

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2022/HN-ST**

Ngày: 22/6/2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Hợp

2. Ông Hà Ứng Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 260/2022/TLST - HNGB ngày 18/5/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST - HN ngày 09/6/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ph, sinh năm: 1970 (*Có mặt*)

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1972 (*Có mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp VH, xã VHP, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Ph trình bày và yêu cầu như sau:*

- *Về hôn nhân:* Bà và ông Nguyễn Văn M chung sống với nhau từ khoảng giữa năm 1988 (lúc đó bà vừa tròn 19 tuổi, tính theo năm âm lịch). Trước khi chung sống thì ông bà có quen biết nhau được khoảng 01 năm thì được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Từ khi chung sống cho đến nay ông bà chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định do hoàn cảnh gia đình nghèo, vợ chồng lo làm ăn và không biết chữ nên nghĩ không thực hiện việc đăng ký kết hôn cũng không có vấn đề gì. Sau khi đám cưới, ông bà làm ăn và sinh sống ở tại ấp VH, xã VHP, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cho đến nay.

Ông bà chung sống với nhau được vài tháng thì bắt đầu phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M tự tập ăn nhậu và có quen người phụ nữ khác bên ngoài kéo dài nhiều năm nay, bà có khuyên ngăn nhưng ông M không sửa đổi mà còn đánh đập và hăm dọa bà rất nhiều lần. Ngoài ra, bà Ph còn có mâu thuẫn với gia đình bên chồng. Do mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng nên ông bà thường hay cự cãi, ông M đã dọn ra ngoài thuê nhà ở hơn 02 tháng nay. Nay, bà xét thấy mâu thuẫn giữa bà và ông M không hàn gắn được nữa và tình cảm của bà đối với ông M cũng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông M.

- *Về con chung*: Bà và ông M có 03 con chung là Nguyễn Thị Tú A, sinh năm 1989; Nguyễn Tú E, sinh năm 1994 và Nguyễn Tú N, sinh ngày 18/9/1998. Hiện nay, 03 người con chung đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông M không có tài sản chung, trước đây ông bà có ở chung trong 01 căn nhà được cất nhờ trên đất của cha mẹ ruột bà Ph, sử dụng 01 chiếc vỏ máy và 01 chiếc xe honda nhưng chi phí cất nhà và mua xe, mua vỏ máy là do con trai Nguyễn Tú N làm thuê dành dụm được tiền để cất nhà ở và mua xe, mua vỏ cho ông bà sử dụng. Hiện nay, bà Ph đang quản lý nhà và xe còn ông M sử dụng vỏ máy. Nay, khi ly hôn bà Ph xác định, bà và ông M tự thỏa thuận phần tài sản này nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Ph xác định giữa bà và ông M không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày và yêu cầu như sau:*

Qua lời trình bày của bà Ph về ngày vợ chồng chung sống nhưng đến nay chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn, có 03 con chung hiện nay đã trưởng thành, tài sản chung tự thỏa thuận và không có nợ chung là đúng.

Về nguyên nhân mâu thuẫn thì ông M xác nhận giữa ông và bà Ph có cự cãi, có đánh nhau... nhưng sự việc xảy ra là do trong cuộc sống hàng ngày, khi ông đi làm ăn bà Ph ở nhà hay nói ông có quen người phụ nữ khác bên ngoài rồi khi ông về nhà bà Ph kiểm chuyện chửi mắng ông và thời gian gần đây còn đuổi ông ra khỏi nhà nên ông đã ra ngoài thuê nhà ở hơn 02 tháng nay... Trong lúc cự cãi thì cả hai có xảy ra xô xát, ông cũng có dùng những lời lẽ để chửi nặng nhẹ bà Ph. Bà Ph yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn với bà Ph do còn thương bà Ph và thương các con, nếu bà Ph cương quyết ly hôn, ông ý kiến như sau:

- *Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung*: Ông M xác định, 03 người con chung của ông bà hiện nay đã trưởng thành, tài sản chung ông bà tự thỏa thuận và nợ chung của ông bà không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa:*

- Bà Ph yêu cầu: Được ly hôn với ông Nguyễn Văn M; 03 người con chung đã trưởng thành, tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận và nợ chung không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông M yêu cầu: Đồng ý ly hôn với bà Ph; về con chung, tài sản chung và nợ chung thống nhất theo lời trình bày của bà Ph nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Ph và ông Nguyễn Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Phạm Thị Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi bà Ph khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì ông M có nơi cư trú tại ấp VH, xã VHP, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị Ph và ông Nguyễn Văn M chung sống với nhau từ năm 1988 cho đến nay nhưng ông bà vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại cơ quan có thẩm quyền (UBND xã, phường, thị trấn nơi cả hai cư trú) là ông bà đã vi phạm vào Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Bà Ph cho rằng trong quá trình chung sống bà và ông M có nhiều mâu thuẫn, thường hay cự cãi không thể hàn gắn được nên ông bà đã ly thân với nhau. Qua nội dung lời khai, ông M cũng xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn như bà Ph trình bày là đúng. Từ khi nộp đơn khởi kiện ly hôn và trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải, bà Ph cương quyết ly hôn và không đồng ý quay trở về chung sống lại với ông M mặc dù ông M có hứa sửa đổi và không đồng ý ly hôn với bà Ph.

HĐXX xét thấy, bà Ph và ông M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng mặc dù ông bà chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản

2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ph và ông M.

[3] *Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung*: Bà Ph và ông M xác định, 03 người con chung của ông bà hiện nay đã trưởng thành, tài sản chung ông bà tự thỏa thuận và nợ chung của ông bà không có nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bà Ph chịu án phí với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Ph và ông Nguyễn Văn M.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bà Phạm Thị Ph chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0009352 ngày 10/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên bà Ph không phải nộp thêm.

3. *Quyền kháng cáo*: Bà Ph và ông M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 22/6/2022*).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã V HP;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh